TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/DS-PT
Ngày: 06-5-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Duy Lâm;

2. Bà Lưu Ánh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sự, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 tháng 4 và ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:15/2019/TLPT-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2018/QĐPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Mỹ N, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Số 15 đường B, khu phố N1, phường N3, thành phố T1, tỉnh T; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp S, xã T3, huyện T4, tỉnh T. (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Luật sư Nguyễn Thị Tuyết T5- văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Tuyết T5- Đoàn Luật sư Tỉnh T (có mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thị T6, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số 5 đường 20, đường B, khu phố N1, phường N3, thành phố T1, tỉnh T (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Ngọc B1, sinh năm 1981; địa chỉ: Hẻm 9, đường Nguyễn Văn R1, Khu phố 4, Phường 4, thành phố T1, tỉnh T (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn- bà Võ Thị T6.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2018, bản tự khai, các lời khai tại tòa án của bà Tạ Thị Mỹ N và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bà N – ông Nguyễn Văn R trình bày:*

Vào ngày 10/11/2016 AL (tức ngày 08/12/2016 DL) bà N cho bà T6 vay số tiền 875.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, thỏa thuận miệng khi nào cần thì báo cho bên vay trước 02 tháng, có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Giấy vay tiền do bà T6 tự viết và ký tên, nguồn tiền bà N cho bà T6 vay là do bà N vay của chị Phạm Thị Mỹ Hạnh với lãi suất 2%/tháng và cho bà T6 vay lại để hưởng lãi chênh lệch 1%/ tháng.

Bà T6 đã thanh toán tiền lãi cho bà N đến 30/6/2017 AL nhuần (21/8/2017 DL) số tiền 226.000.000 đồng. Bà N có đến nhà yêu cầu bà T6 thanh toán số tiền trên nhưng bà T6 không đồng ý. Vì số tiền lớn và lãi cao phải đóng cho chị H nên bà N đã bán nhà đất để trả tiền cho chị H.

Bà N nhiều lần yêu cầu bà T6 trả tiền gốc và tiền lãi nhưng bà T6 không thực hiện nên bà N khởi kiện yêu cầu bà T6 phải trả số tiền nợ vay là 875.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/6/2017 AL (21/8/2017 DL) cho đến ngày xét xử sơ thẩm mức lãi suất là 2%/tháng.

Đối với việc chị B1 con bà T6 cho rằng có trả cho bà N số tiền 145.000.000 đồng, trong đó trả tiền nợ gốc 140.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng bà N không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tạ Thị Mỹ N thống nhất lời trình bày của bà N và đại diện ủy quyền nguyên đơn, không bổ sung gì thêm.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị T6 và người đại diện ủy quyền của bà T6 trình bày:*

Bà T6 thừa nhận bà có vay tiền của bà N khoảng 06 lần với tổng số tiền gốc 585.000.000 đồng, nhưng do bị bà N đến đòi nợ nhiều lần nên bà T6 viết giấy nhận nợ với bà N có nội dung là vay số tiền 875.000.000 đồng vào ngày 10/11/2016 Al nhuần (08/12/2016 DL) không ghi thời gian trả và thực hiện trả lãi cho bà N 3%/ tháng tương ứng số tiền 26.250.000 đồng/ tháng từ ngày vay đến tháng 03/2017 AL thì ngưng không thanh toán, thực tế đóng lãi đến tháng 01/2017 và tháng 02/2017 AL số tiền 15.000.000 đồng. Bà T6 vay tiền của bà N mục đích cho người khác vay lại để hưởng lãi chênh lệch nhưng do người vay tiền của bà T6 không trả tiền nên bà T6 không còn khả năng đóng lãi cho bà N. Vào ngày 26/6/2017 AL nhuần (17/8/2017

DL) con gái của bà T6 là chị B1 có đến gặp bà N để trả số tiền 145.000.000 đồng gồm trả nợ gốc 140.000.000 đồng và lãi 5.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án thì trong phiên hòa giải ngày 08 tháng 10 năm 2018 bà đồng ý thanh toán cho bà N số tiền gốc 875.000.000 đồng nhưng không thanh toán nợ lãi cho bà N.

Tại phiên hòa giải ngày 12/10/2018, bà T6 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu trả vốn gốc 875.000.000 đồng và trả tiền nợ lãi. Bà T6 đồng ý trả cho bà N số tiền nợ gốc là 735.000.000 đồng vì khấu trừ đi số tiền 140.000.000 đồng chị B1 đã trả cho bà N. Về nợ lãi, bà T6 không đồng ý thanh toán cho bà N vì bà T6 đã trả lãi cho bà N mức lãi suất cao 3%/tháng đến tháng 3/2017 AL.

** Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- chị Nguyễn Thị Ngọc Bích trình bày:*

Vào ngày 26/6/2017 AL, chị có đến nhà bà N, trực tiếp đưa cho bà N số tiền 145.000.000 đồng, bà N nhận số tiền này và chị tự ghi vào sổ của bà N với nội dung trả nợ gốc 140.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng. Khi bà N nhận tiền của chị, chị không yêu cầu bà N viết giấy cho chị và không có ai chứng kiến. Số tiền 145.000.000 đồng chị xác định đây là tiền riêng cá nhân của chị cho bà T6, không yêu cầu bà T6 trả lại.

Lời khai người làm chứng anh Lê Hoàng L trình bày tại phiên tòa:

Anh là con trai của bà T6, anh là người ghi âm cuộc nói chuyện giữa anh với bà N và giao nộp chứng cứ ghi âm cho Tòa án. Anh trình bày nội dung ghi âm đã nộp cho Tòa án âm thanh không rõ, nội dung về việc bà N nhận của chị B1 số tiền 145.000.000 đồng, không thể hiện cụ thể là trả tiền gốc và lãi, thời gian giao nhận tiền và số tiền bà N lặp lại nhiều lần là bà T6 còn nợ bà N 875.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Tạ Thị Mỹ N đối với bà Võ Thị T6.

Buộc bà Võ Thị T6 có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị Mỹ N tổng số tiền vay còn nợ là: 882.625.000 đồng (Tám trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 875.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 7.625.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/12/2018 bà T6 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm khấu trừ số tiền 145.000.000 mà chị B1 đã trả cho bà N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn- Luật sư Nguyễn Thị Tuyết T5 trình bày: Tại phiên tòa, Bà Võ Thị T6 thừa nhận chỉ đóng tiền lãi đến tháng 3/2017 nhưng bà N xác định bà T6 đã đóng tiền lãi 226.000.000 đồng là bao gồm số tiền 145.000.000 đồng mà chị B1 đã trả cho bà T6. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị T6, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị T6, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Xét kháng cáo của bà Võ Thị T6 thấy rằng:

Theo giấy nhận nợ ngày 10/11/2016 (BL 07) nội dung ghi bà Võ Thị T6 có mượn của bà N số tiền 875.000.000 đồng.

Nội dung không ghi mức lãi suất, không ghi thời hạn trả. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T6 thừa nhận giấy nhận nợ ngày 10/11/2016 là do bà viết và ký tên, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, bà đã đóng lãi đến tháng 3/2017 âm lịch thì ngưng. Mục đích bà T6 vay tiền của bà N là để cho người khác vay lại hưởng chênh lệch lãi suất. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị B1 là con bà T6 trình bày: Ngày 26/6/2017, chị có đến nhà của bà N trả thay cho mẹ chị số tiền 145.000.000 đồng bằng tiền của chị. Trong đó, 140.000.000 đồng trả nợ gốc, 5.000.000 đồng trả lãi; chị không ghi vào giấy nợ của bà T6 viết cho bà N, nhưng chị có ghi vào sổ của bà N, chứng cứ này các bên không cung cấp được cho Tòa án.

[3] Qua xem xét các tài liệu do anh Lê Hoàng L là con của bà Võ Thị T6 cung cấp cuộc ghi âm giữa anh L và bà N có liên quan đến số tiền 145.000.000 đồng và số tiền 875.000.000 đồng thấy rằng:

[3.1] Tại buổi nghe lại đoạn ghi âm ngày 05/4/2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh T thì: Đoạn ghi âm 1 có thời lượng 12 giây và đoạn ghi âm 2 có thời lượng là 22 giây, bà N xác định có nhận của chị B1 số tiền 145.000.000 đồng nhưng đó là tiền đóng lãi của chị B1 thay cho bà T6. Sau đó, bà cộng lại toàn bộ tiền bà T6 đóng lãi đến tháng 6/2017 là 226.000.000 đồng.

[3.2] Theo bà T6 khai, số tiền đóng lãi cho bà N như sau: Tháng 12/2016 và tháng 01/2017 đóng 52.500.000 đồng, tháng 02/2017 đóng 14.000.000 đồng, tháng 3/2017 đóng 15.000.000 đồng, tổng cộng 81.500.000 đồng, nếu cộng với 145.000.000 đồng thành số tiền 226.500.000 đồng là phù hợp với lời khai của bà N. Có căn cứ xác định bà N có nhận của chị B1 số tiền 145.000.000 đồng vào thời gian tháng 6/2017.

[4] Về lãi suất:

Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2019 thấy rằng:

[4.1] Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP thì: "Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ lãi, lãi suất được xác định như sau:

a/ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc…"

[4.2] Lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/ năm tương đương 1,67%/tháng. Các bên thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nếu tính số tiền 145.000.000 đồng là tiền vốn gốc khấu trừ vào số tiền vốn 875.000.000 đồng thì còn lại 730.000.000 đồng thì lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 1,67%/ tháng (tương đương 20%/ năm). Thời gian tính lãi là từ tháng 01/2017 đến ngày 23/11/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) thì bà T6 phải đóng lãi 16 tháng 22 ngày với số tiền 203.996.000 đồng.

Riêng số tiền 875.000.000 đồng được tính lãi từ tháng 01/2017 đến tháng 06/2017 với số tiền 87.675.000 đồng, cả hai khoản lãi là 291.671.000 đồng. So với cách tính lãi của cấp sơ thẩm thì cấp sơ thẩm tính lãi có lợi cho bị đơn, nguyên đơn không có kháng cáo nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T6.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Bà Võ Thị T6 sinh năm 1951 là đối tượng được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 Luật Dân sự 2005; Điều 688 Luật Dân sự 2015, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị T6.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Tạ Thị Mỹ N đối với và Võ Thị T6.

Buộc bà Võ Thị T6 có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị Mỹ N tổng số tiền vay còn nợ là: 882.625.000 đồng (Tám trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 875.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 7.625.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2918/QĐ-BPKCTT ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố T1, tỉnh T.

3. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị T6 được miễn nộp án phí.

Bà Tạ Thị Mỹ N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.125.000 đồng (Mười chín triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005653 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị T6 được miễn, hoàn trả cho bà T6 số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006271 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1.

4. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

-VKSND tỉnh TN;
-TAND huyện (Tp);
-Chi cục THADS huyện (Tp);
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Tòng